

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN GDCD LỚP 12

PHẦN I: LÍ THUYẾT

BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Khái niệm pháp luật

a. Pháp luật là gì ?

- Từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) cho đến nay, nước ta đã ban hành 5 bản hiến pháp, đó là những bản hiến pháp (HP): HP 1946, HP 1959, HP 1980, HP 1992, HP 2013. HP 2013 là bản hiến pháp mới nhất và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.
- Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

b. Các đặc trưng của pháp luật:

- *Tính quy phạm phổ biến :*

Pháp luật được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

- *Tính quyền lực, bắt buộc chung:*

Pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh quyền lực nhà nước, bắt buộc đối với tất cả mọi đối tượng trong xã hội.

- *Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức:*

+ Các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quốc hội ban hành Hiến pháp.

+ Các văn bản quy phạm pháp luật luôn chính xác, rõ ràng, được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp và luật ban hành.

2. Bản chất của pháp luật.

a. Bản chất giai cấp của pháp luật.

- PL mang bản chất giai cấp sâu sắc vì PL do nhà nước ban hành – mà nhà nước đại diện cho giai cấp cầm quyền, thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.
- PL của nhà nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân.

b. Bản chất xã hội của pháp luật.

- Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội, do các thành viên trong xã hội thực hiện.
- Các qui phạm PL được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội vì sự phát triển của xã hội

3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức:

a. Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế: (giảm tải)

b. Quan hệ giữa pháp luật với chính trị: (giảm tải)

c. Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức:

- Nhà nước luôn cố gắng chuyển những quy phạm đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội thành các quy phạm pháp luật.

- Khi ấy, các giá trị đạo đức không chỉ được tuân thủ bằng niềm tin, lương tâm của cá nhân hay do sức ép của dư luận xã hội mà còn được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh quyền lực nhà nước.

BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật

a. Khái niệm thực hiện pháp luật

Thực hiện PL là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những qui định của PL đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật

Gồm 4 hình thức sau:

STT	Hình thức thực hiện pháp luật	Nội dung
1	Sử dụng pháp luật	Các cá nhân tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép làm
2	Thi hành pháp luật	Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chủ động làm những gì pháp luật qui định phải làm.
3	Tuân thủ pháp luật	Các cá nhân, tổ chức không làm những điều pháp luật cấm.
4	Áp dụng pháp luật	Căn cứ pháp luật ra quyết định làm phát sinh, chấm dứt quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức

* *Giống nhau:* đều là hoạt động có mục đích nhằm đưa PL vào đời sống, trở thành hành vi hợp pháp của người thực hiện.

* *Khác nhau:* Trong hình thức sử dụng PL thì chủ thể PL có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được PL cho phép theo ý chí của mình không bị ép buộc phải thực hiện.

2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

a. Vi phạm pháp luật.

* Các dấu hiệu cơ bản của VPPL.

- Thứ nhất : Là hành vi trái PL xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Biểu hiện:

+ *Hành động*: Chủ thể làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

VD: Nhà máy thải chất ô nhiễm ...

+ *Không hành động*: Chủ thể không làm những việc phải làm theo quy định của PL.

VD: SX-KD không nộp thuế, đi xe mô tô đèo ba người....

- *Thứ 2* : Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

Năng lực trách nhiệm pháp lý là :

+ Đạt độ tuổi nhất định (16 tuổi) tâm sinh lý bình thường.

+ Có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.

+ Chịu trách nhiệm độc lập về hành vi của mình

- *Thứ 3* : Người vi phạm phải có lỗi.

+ *Lỗi cố ý*

• *Cố ý trực tiếp*: Chủ thể nhận thấy trước hậu quả cho XH và người khác nhưng vẫn mong muốn nó xảy ra

• *Cố ý gián tiếp*: Chủ thể nhận thấy trước hậu quả cho XH và người khác, tuy không mong muốn những vấn đề cho nó xảy ra.

+ *Lỗi vô ý*

• *Vô ý do quá tự tin*: Chủ thể nhận thấy trước hậu quả cho XH và người khác nhưng hi vọng không xảy ra.

• *Vô ý do cầu thả*: Chủ thể không nhận thấy trước hậu quả cho xã hội và người khác

* *Khái niệm: VPPL là hành vi trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.*

b. Trách nhiệm pháp lý:

- *Khái niệm*: TNPL là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi VPPL của mình

- Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm :

+ Buộc chủ thể VPPL chấm dứt hành vi trái pháp luật (mục đích trừng phạt)

+ Giáo dục răn đe người khác để họ không vi phạm pháp luật. (mục đích giáo dục)

c. Các loại VPPL và trách nhiệm pháp lý.

- Vi phạm hình sự.

+ *Khái niệm*: là hành vi vi phạm luật, gây nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự.

+ *Chủ thể*: Chỉ là cá nhân và do người có năng lực trách nhiệm hình sự gây ra.

• Tâm sinh lý bình thường, có khả năng nhận thức.

• Đủ từ 16 tuổi trở lên chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm

• Đủ từ 14 đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và đặc biệt nghiêm trọng.

Lưu ý: việc xử lý người chưa thành niên (từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi) phạm tội theo nguyên tắc lấy giáo dục là chủ yếu, không áp dụng hình phạt tù chung thân và tử

hình nhằm giúp họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

+ *Trách nhiệm hình sự*: với các chế tài nghiêm khắc nhất (7 HP chính) và 7 hình phạt bổ sung do tòa án áp dụng với người phạm tội.

- Vi phạm hành chính:

+ *Khái niệm*: là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước .

+ *Chủ thể*: là cá nhân hoặc tổ chức

+ *Trách nhiệm hành chính*: Người vi phạm phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định pháp luật.

• Người đủ từ 14 đến dưới 16 tuổi bị xử phạt về vi phạm hành chính do cố ý.

• Người đủ từ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra .

- Vi phạm dân sự.

+ *Khái niệm*: là hành vi VPPL, xâm hại tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

Vi phạm này thường thể hiện ở việc chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các hợp đồng dân sự.

+ *Chủ thể*: là cá nhân hoặc tổ chức

+ *Trách nhiệm dân sự*: TA áp dụng đối với chủ thể vi phạm như bồi thường thiệt hại hoặc thực hiện nghĩa vụ do hai bên thoả thuận.

Người đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi tham gia các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, có các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do người đại diện xác lập và thực hiện.

- Vi phạm kỉ luật:

+ *Khái niệm*: là hành vi xâm hại đến các quan hệ lao động, công vụ nhà nước ...do pháp luật lao động, pháp luật hành chính bảo vệ.

+ *Chủ thể*: cá nhân, tập thể

+ *Trách nhiệm kỉ luật*: do thủ trưởng cơ quan áp dụng đối với chủ thể VP kỉ luật như: khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, sa thải.

Như vậy: VPPL là sự kiện pháp lý và là cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý.

Chú ý: Truy cứu trách nhiệm PL phải đảm bảo:

+ Tính pháp chế

+ Tính công bằng và nhân đạo

+ Tính phù hợp

BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Công dân bình đẳng trước pháp luật: là mọi công dân nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

1. Công dân BĐ về quyền và nghĩa vụ

- Bình đẳng là việc đối xử bình đẳng về các mặt CT, KT, VH... không phân biệt nam nữ...

- **Khái niệm:** công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

- Biểu hiện:

+ Bất kỳ công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của mình

+ Quyền và nghĩa vụ của công dân không phân biệt dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần và địa vị XH.

2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Bất kỳ công dân nào(dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì) vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì từ người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước cho đến người lao động bình thường đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không bị phân biệt đối xử.

3. Trách nhiệm của NN trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp và luật.

- Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện vật chất và tinh thần cho công dân có khả năng thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình.

- Nhà nước còn xử lý nghiêm minh những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của công dân, xã hội.

- Nhà nước không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với từng thời kì nhất định.

Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.